

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 207/2025/HSPT
Ngày: 30-9-2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tâm
Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 175/2025/TLPT-HS ngày 25 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo Phạm Công P, do có kháng cáo của bị cáo Phạm Công P đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 13/2025/HS - ST ngày 23/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lâm Đồng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Phạm Công P, tên gọi khác: không, sinh ngày 05/9/1991 tại Lâm Đồng. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú: số A, đường X, Phường G (nay là phường L - Đ), tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam, con ông Phạm D, sinh năm: 1963, con bà Nguyễn Thị X (chết); có vợ là Trần Thị Ngọc B (đã ly hôn); có 02 con; lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo hiện đang tại ngoại và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường L - Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Ngoài ra còn có 02 (hai) bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

- Bị hại: Chị Klong K Mai H, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: thôn T, xã L (xã Đ, huyện L cũ), tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Đinh Đồng T, sinh năm: 1985; nơi cư trú: thôn B, xã Đ (nay là xã L), tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Ngọc S, Phạm Công P và Lương Ngọc S1 hoạt động cho khách vay tiền lấy lãi từ tháng 3/2024. Vào ngày 17/3/2024, thông qua giới thiệu của bạn bè xã hội, chị K K Mai Hương liên hệ nhóm của S, S1, P vay số tiền 5.000.000đ với hình thức trả tiền góp trong vòng 14 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ. S là người bỏ tiền ra cho chị H vay, P cho chị H viết giấy nợ, S1 là người giữ giấy nợ và chịu trách nhiệm thu tiền góp hàng ngày của chị H. Sau khi vay số tiền 5.000.000đ thì chị H góp cho S 500.000đ tiền góp ngày đầu tiên. Từ ngày 18/3/2024 đến ngày 30/3/2024 (13 ngày thời hạn góp còn lại) thì chị H không có tiền góp nên không góp tiền theo ngày cho S. Đến khoảng giữa tháng 4/2024 chị H có trả trước cho S số tiền 1.000.000đ và xin khi nào có tiền thì trả tiếp. Trong thời gian này thì S, P, S1 nhiều lần liên lạc với chị H để đòi tiền nhưng do không có tiền nên chị H xin khi nào có tiền thì trả và tránh mặt nhóm của S. Khoảng 13 giờ 40 phút 15/5/2024 do S biết chị H có một mảnh đất ở L đang muốn chuyển nhượng nên S nói S1 lấy lý do hỏi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hẹn chị H đến nhà của P ở địa chỉ 1, đường X, Phường G, thành phố Đ để làm việc nhằm giải quyết số tiền nợ 5.000.000đ nói trên. Trên đường đến nhà P, S nói với S1 khi chị H đến mà không trả tiền thì siết xe của chị H, nghe vậy S1 đồng ý. Sau khi S chở S1 đến nhà của P được một lúc thì chị H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, biển số 49P1- 080.88 đến nhà P và dựng xe mô tô ngoài đường, trước cổng hàng xóm nhà P rồi đi vào nhà.

Tại đây, S và S1 đề nghị chị H trả số tiền 5.000.000đ nhưng do không có tiền nên chị H xin gia hạn đến tháng 6, 7/2024 nhưng S không đồng ý. S1 đề nghị chị H viết giấy nợ mới cho S với số tiền tính đến ngày 15/5/2024 là 8.500.000đ (trong đó 5.000.000đ tiền nợ gốc của 3.500.000đ tiền lãi) thì chị H đồng ý, P là người soạn giấy nợ. Trong lúc P đang soạn giấy nợ, S nhắn tin cho P với nội dung “*Xích xe nó lại a*”. “*A kêu nó ghi thêm vô để cái chiếc xe*”; P trả lời: “*E nói nó luôn. H giữ xe chứ biết bao lâu gặp lại nó*”. S trả lời: “*Khi nào có tiền thì chuộc*”. Lúc này S nói chị H việc để lại chiếc xe mô tô của chị H đi đến làm tin những chị H không đồng ý vì đây không phải xe của chị H. S nói “*xe của bà đi là của bà, nếu hôm nay không trả tiền thì khỏi đi xe về*”. Chị H vẫn không đồng ý cho S lấy chiếc xe mà liên hệ người thân, bạn bè mượn tiền trả cho S nhưng không có. Sau khi P soạn xong giấy nợ thể hiện nội dung chị H mượn S số tiền 8.500.000đ như theo thỏa thuận thì đưa cho chị H ký. S bảo chị H tự viết nội dung để lại chiếc xe máy của chị H vào trong giấy nợ nhưng chị H không đồng ý mà chỉ đồng ý ký giấy nợ S 8.500.000đ. Lúc này, chị H ngồi trong phòng khách, còn S, S1, P ra phía trước nhà, ngồi chặn đường đi ra khỏi nhà, S và S1 liên tục chửi bới, quát tháo chị H phải trả tiền, không trả tiền thì khỏi đi xe về. Đợi một lúc, chị H vẫn không mượn được tiền để trả cho S, S nói S1 ở lại bắt chị H viết nội dung để lại xe máy vào giấy nợ, còn mình đi ra ngoài. S1 vào

lại phòng khách yêu cầu chị H viết nội dung trên vào trong giấy nợ nhưng chị H không đồng ý, tiếp tục liên hệ người thân, bạn bè vay tiền để trả cho S. Khoảng 10 phút sau, S quay lại tại khu vực hiên nhà P, hỏi S1 và biết chị H vẫn không viết nội dung để lại xe máy vào trong giấy nợ nên S nói S1 dắt xe chị H đi. Lúc này P ở phía ngoài sân nhìn S và S1 đến vị trí xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, biển số 49P1-080.88 của chị H đi đến dựng ở hàng rào hàng xóm nhà P và dắt xe chị H đi.

Sau khi S và S1 dắt xe của chị H đến địa chỉ A, đường X, Phường G, thành phố Đ (nhà chị gái của S) cất, rồi quay lại và nói cho P nơi để xe. Lúc này, chị H ngồi trong phòng khách biết S và S1 ra dắt xe của mình đi nhưng do chỉ có một mình nên chị H sợ không dám phản kháng để S và S1 dắt xe của mình đi. Sau khi S và S1 quay lại, chị H hỏi thì S nói đã giữ xe của chị H khi nào trả tiền thì trả xe rồi tiếp tục hỏi thúc chị H trả tiền. Sau khoảng 01 tiếng chờ chị H vay tiền nhưng vẫn không có thì S và S1 nói với chị H khi nào trả tiền thì mới trả xe rồi đi về. Trước khi về, S và S1 nói P khi nào chị H trả tiền mới chỉ chỗ để xe cho chị H thì P đồng ý, rồi S và S1 rời đi. Chị H tiếp tục liên hệ hỏi vay tiền thêm khoảng 30 phút nhưng vẫn không có, do thấy bên phía S có 03 người đàn ông, thái độ khi nói chuyện hung dữ và có hành vi chửi bới, quát nạt sợ bị nhóm của S đánh nên chị H không tiếp tục đòi xe mà đến Cơ quan Công an trình báo sự việc.

Tại Cơ quan Công an, Trần Ngọc S, Phạm Công P và Lương Ngọc S1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max, đã qua sử dụng, mặt sau bị nứt – bề của Phạm Công P; 01 (một) căn cước công dân mang tên Phạm Công P; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, biển số: 49P1-08088.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 117/KL-HĐĐGTS ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ, xác định: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, biển số: 49P1-080.88, đã qua sử dụng, mua cũ vào tháng 9/2023 tại thời điểm ngày 15/5/2024 có giá trị là: 14.000.000đ. Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tỉnh L đã xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu nói trên. Hiện chị H có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Cáo trạng số 120/CT-VKSĐL-LĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Lâm Đồng) truy tố bị cáo Trần Ngọc S, Phạm Công P và Lương Ngọc S1 về tội “Cường đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bản án số 13/2025/HSST ngày 23 tháng 7 năm 2025; Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lâm Đồng đã xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc S, Phạm Công P và Lương Ngọc S1 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

2.1 Xử phạt Trần Ngọc S 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2.2 Xử phạt Phạm Công P 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2.3 Xử phạt Lương Ngọc S1 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 20/12/2024.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 01/8/2025 bị cáo Phạm Công P kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm, đề nghị thay đổi hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên hôm nay,

Bị cáo Phạm Công P khai nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã xét xử, đồng thời giữ nguyên nội dung kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của Phạm Công P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận, không bào chữa gì thêm và chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan tiến hành tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Công P đúng về hình thức, nội dung, trong hạn luật định nên đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Công P thì thấy rằng:

[3.1] Trần Ngọc S, Phạm Công P và Lương Ngọc S1 hoạt động cho khách vay tiền lấy lãi từ tháng 3/2024. Vào ngày 17/3/2024 thông qua giới thiệu của bạn bè xã hội, chị K KMai Hương liên hệ nhóm của S, S1, P vay số tiền 5.000.000đ với hình

thức trả tiền góp trong vòng 14 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ. Do chị H không có tiền trả nên ngày 15/5/2024, các bị cáo đã uy hiếp, đe dọa và chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, biển số 49P1-080.88, sau đó bị phát hiện bắt giữ cùng với tang vật.

Tại Kết luận định giá tài sản số 117/KL-HĐĐGTS ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ xác định chiếc xe nói trên tại thời điểm ngày 15/5/2024 có giá trị là: 14.000.000đ.

[3.2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, của bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Phạm Công P đã phạm tội: “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015. Cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo phạm tội vừa nêu và xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Công P vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt.

Xét thấy: tính chất, hành vi của bị cáo là liều lĩnh, xem thường pháp luật, bị cáo cùng đồng phạm phạm tội đến cùng, hành vi của bị cáo và của các bị cáo Trần Ngọc S, Lương Ngọc S1 đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây dư luận không tốt, đồng thời làm mất trật tự, trị an tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 12 tháng tù là hoàn toàn có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo qui định.

[5] Các phần khác của quyết định của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo Phạm Công P, giữ nguyên Bản án Hình sự sơ thẩm số 13/2025/HS - ST ngày 23/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng.

2. Tuyên bố bị cáo Phạm Công P phạm tội: “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Công P 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Công P phải chịu 200.000đ án phí Hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng Gđ, Ktr, Ttr & THA (04);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND khu vực 1 – Lâm Đồng (01);
- VKSND khu vực 1 – Lâm Đồng (01);
- Phòng THADS khu vực 1 – Lâm Đồng (01);
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (01);
- Bị hại (01);
- Người liên quan (01)
- Hồ sơ THAHS (07);
- Lưu hồ sơ; Án văn (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Châu Thạch